

VIEN-AM NGUYET-SAN

音 圖



PHẬT-HỌC HỘI Phật-lịch 2506 QUẢNG-NGÃI TỈNH HỘI

Danh sách ban-viên ban Trị sự năm 1943 (Quý-mùi)

<i>Chánh-hội-trưởng</i>	Hoàng mộng Lương	<i>Médecin Chef à Quảng-ngãi</i>
<i>Phó-hội-trưởng</i>	Tạ linh Nha	<i>Phó-dốc Ngân-hàng</i> «
<i>Chánh-trị Cố-vấn</i>	Louis Liverset	<i>Quan Chánh Liêm-phóng</i> «
<i>Chứng minh đạo-sư</i>	Trần diệu Quang	<i>Tăng-cang</i> «
<i>Chánh thư-ký</i>	Huỳnh quang Ngô	<i>Tổng sự nha Địa-chánh</i> «
<i>Phó thư-ký</i>	Nguyễn hữu Tu	<i>Thừa-phái Ty-phiên</i> «
<i>Chánh thủ-quỹ</i>	Tạ linh Nha	<i>Phó-dốc Ngân-hàng</i> «
<i>Phó thủ-quỹ</i>	Hoàng khắc Chênh	<i>Phán-sự Thiên-văn</i> «
<i>Kiểm-sát tài-chánh</i>	Châu văn Phi	<i>Kinh-lịch</i> «
<i>Cố-vấn</i>	Mai văn Chế	<i>Hồng-lô tri-sự</i> «
	Trương quang Luyện	<i>Hàn-lâm viện Trị giảng</i> «
	Đoan Tu	<i>Tham-tá Tòa-sứ</i> «
	Lê hoàng Hà	<i>Tạm-phái</i> «
	Tôn thất Kiều	<i>Bang-tá thànhphố</i> «
	Lê hồ chương	<i>Thông-sự Thủ-y</i> «
<i>Kiểm-sát</i>	Trần xuân Mai	<i>Phán-sự tòa Sứ</i> «
	Lê đình Bắc	<i>Phán-sự lục-lộ</i> «
	Tạ Hoàng	<i>Thông-sự Điện báo</i> «
	Ngô Khải	<i>Công nghệ gia</i> «
<i>Trụ trì Hội-quán</i>	Thích giải An	<i>Tăng-già</i> «
<i>Trưởng ban Hộ-niệm</i>	Lê-quang Quyền	<i>Thương-gia</i> «
<i>Phó-trưởng ban Hộ-niệm</i>	Ngô khải	<i>Công nghệ gia</i> «
<i>Ban khảo cứu</i>	Thích huyền Trí	<i>Tăng già</i> «
	Phạm ngọc Lâm	<i>Kiểm-sự</i> «
	Phan đình Thi	- «
	Nguyễn hữu Tu	<i>Thừa-phái</i> «
<i>Ban tuyên truyền</i>	Đặng thế Trinh	<i>Tây Y-sĩ</i> »
	Lê hồ Chương	<i>Thông-sự Thủ Y</i> «
	Hoàng khắc Chênh	<i>Phán-sự Thiên-văn</i> «
<i>Ban diễn giảng</i>	Thích huyền Trí	<i>Tăng-già</i> «
	Nguyễn hữu Tu	<i>Thừa-phái</i> «
	Huỳnh quang Ngô	<i>Tổng sự nha Địa-chánh</i> «

Thông-Chê PETAIN

Các sự thắng bại ở nước ngoài chẳng quan hệ gì đến Đông-Dương. Sự hợp tác Pháp Việt vẫn là điều cốt yếu trong những trường hợp này.

Đông-Dương chỉ là một vòng của sợi giây Đê-Quốc. Đông - Dương phải sinh sống, mở mang trong phạm vi của Đê-Quốc.

Nước pháp chẳng bao giờ quên cái sứ mệnh thiêng-liêng giữ thái-bình thịnh-trị cho Đông-Dương.

Nếu ta hiểu rằng ta là một phần tử của 100 triệu dân của Đê-Quốc Pháp, thì ta lại càng thấy khỏe hơn, mạnh hơn.

PHẬT-HỌC CU'ÔNG-YẾU

(Tiếp theo số 57)

B) Động-cơ. - Xét rõ nguyên-lý của Phật-học đã nhận biết Phật-học khác hẳn tất cả triết-học và tôn-giáo thế-gian.

Phật là vị giác-ngộ hoàn-toàn tương chân-thật của sự sự vật vật, nên những phương - pháp Phật dạy, mục-đích duy cốt để chỉ rõ cái chân-tướng bản-lai ấy mà thôi. Như đoạn trước đã nói, người người đều có tâm, đều có hiện - biến thật - lực, tức là người người đều có thể thành Phật, nên Phật không những chỉ để cho chúng ta tin-ngưỡng mà còn làm mô-phạm cho mọi người. Chúng ta cần phải rõ biết Phật phát-lâm thế nào, hành-động thế nào, tu-trì thế nào, thành-công thế nào, rồi chiếu theo đó mà tu-âm thì mới chắc được thành Phật.

Cách phát-lâm của Phật-học theo tiếng thông thường, cũng có thể gọi là động-cơ. Động cơ chánh đáng mới phát sanh những hành-vi và những kết-quả viên-mãn, chứ nếu động-cơ chênh lệch hoặc lầm lạc thì kết-quả quyết không được toàn-thiện.

Động-cơ của Phật-học chính là chủ-nghĩa bình-đẳng (bình-đẳng đây khác hẳn với chủ-nghĩa bình-đẳng thông-thường trong vòng đối đãi thế-gian, xin xem lại bài chơn bình-đẳng trong Viên-âm thì rõ). Theo chủ-nghĩa ấy thế-tánh của sự-vật, gần từ loài người, rộng đến toàn-thể chúng-sanh, toàn-thể vũ-trụ đều là bình-đẳng.

Thế-tường nhận thấy đất đá là loài không sanh cơ, cỏ cây là loài có sanh-cơ, động-vật là loài có cảm-tình, cho đến loài người lại có lý-lánh, tư-tưởng, đạo đức, mỗi loài mỗi khác, in tuồng không có gì là bình-đẳng, vậy do đâu mà Phật thấy tất cả đều là bình-đẳng ? — Nhân vì thật-tánh của sự vật vật nhỏ như một vi-trần, lớn như một thế-giới, gần từ loài người, xa đến hết thấy chúng-sanh đều là một giống sanh-mạng lưu-hành không nghỉ, nên về phương-diện thật-tánh ấy, Phật thấy đều là bình-đẳng ; lại hết thấy chúng-sanh đều có tâm, đều có hiện-biến thật-lực, đều có thể đến bậc giác-ngộ hoàn-toàn, nghĩa là đều có Phật-tánh, nên tất cả chúng-sanh đều bình-đẳng ; lại địa-vị Phật không phải vượt ra ngoài tám người, ai ai cũng đều có thể thành Phật, đều có thể bình-đẳng với Phật, miễn là biết tu hành như Phật.

Cái động cơ của Phật-học chính là tánh bình-đẳng của toàn-thể vũ-trụ nên người học Phật phải phát-tâm khắp vì chúng-sanh, chứ không vì một người, một thời-đại, một khu-vực mà thành Phật. Phát-tâm như vậy mới gọi là nguyện-tâm bình-đẳng, mới gọi là đại-bi-tâm.

Tâm của Phật cùng khắp vũ-trụ, tri-huệ sáng.

suốt, đầy đủ năng-lực và đạo-đức hoàn-toàn. Tâm của chúng-sanh cũng đủ trí-huệ đức-tướng như Phật, chỉ vì mê-làm không tự biết nên không giác-ngộ, xem nhỏ mình quá, đem chút giả-tướng trong giòng sanh-mạng nhận làm mình, sở-dĩ không đầy-đủ, phải tìm kiếm ở ngoài ; mình tìm cầu, người tìm cầu, tất cả chúng-sanh đều tìm cầu, nên hề gặp nhau thì cạnh-tranh xấu-xe, do đó phát-sanh ra các điều đau-khổ thật rất oan-uổng ; oan-uổng vì chỉ bởi không giác-ngộ bản tánh, tự gây ra khổ, rồi tự chịu khổ mà thôi. Cái khổ đó nào phải vật ngoài làm cho khổ, nào phải tuyệt-đối không thể thay-đổi, chỉ vì mê mà chịu khổ mãi rất đáng thương xót. Người học Phật biết tất cả chúng-sanh rất đáng thương xót, vì đáng lẽ đều có thể thành Phật mà lại cứ chịu luân hồi đau-khổ một cách oan-uổng, nên phát ra tâm đại-bi. Người học Phật xét rằng tự mình không thành Phật thì không thoát-ly khổ-não, xét rằng tất cả chúng-sanh chưa thành Phật thì đều không viên-mãn, không viên-mãn mới có tìm-cầu, có tìm-cầu thì có biến-hóa, mà có biến-hóa thì phải xây-vườn trong vòng biến-hóa không thể tự-chủ và chịu đau-khổ ; xét bản-lánh chúng-sanh như giòng nước khe núi quanh lộn ngàn vòng, uốn éo trăm cách, chừng nào chảy đến biển mới thôi ; nên phát-nguyện làm thế nào cho giòng sanh-mạng của mình và của tất cả chúng-sanh đều vào sông ra biển nghĩa là đi đến con đường thành Phật. Vậy muốn cho tất cả chúng-sanh khỏi tất cả đau - khổ, được mọi điều an - vui, chính là cái động-cơ của Phật-học.

Thế thì biết những người chỉ vì cá-nhân mà tu-hành hoặc trông mong ý-lai nơi Phật để cầu phúc-quả cho mình, đều không phải là người học Phật. Người học Phật cần phải vì tất cả chúng-sanh mà phát - tâm, duy trong lúc thất-hành thì có thể dùng những phương-pháp không đồng nhau như : hiện thấy trong

nước nhiều sự thua kém đau khổ, ai ấy đều phát-tâm làm việc cứu dân giúp nước, đó là động cơ rất chánh đáng; còn về phần thật - hành thì mỗi người chỉ khởi sự làm những việc mình có thể làm được mà thôi.

Nói tóm lại động-cơ của người học Phật phải hoàn toàn bình-đẳng, không thiên-vị chút nào; người học Phật phải vì cứu-vớt hết thầy chung-sanh mà phát-tâm; phát-tâm như vậy gọi là phát bồ-đề tâm. Do phát Bồ-đề-tâm làm động-cơ mà tu các hạnh bồ-đề thì dù làm việc gì cũng khắp vì tất cả chúng-sanh, nên tự nhiên chỉ có thiện mà không có ác; phát bồ-đề-tâm chính là cái động-cơ thành Phật.

* Thế thì biết người đời thường cho học Phật là tự-lợi tự-lợi, cầu được an vui sau khi chết, thật rất sai lầm. Thật ra đây một bộ-phận Tiểu-thừa trong đạo Phật chăm về mặt cá-nhân giải-thoát, chứ căn bản Phật-pháp cốt phải khắp vì hết thầy chung-sanh mà phát-tâm, mà thế-nguyên độ tất cả chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Đức Phật Thích-ca phát-tâm xuất gia tu đạo, hóa độ cho đời, vì xét thấy tự-nhiên-giới sanh sanh chẳng thôi, chúng-loại đông nhiều, mặc ý muốn vật cần nuốt lẫn nhau, tàn sát lẫn nhau, dù sống, dù chết, dù vui, dù khổ, tự-nhiên-giới chẳng cần đếm xỉa, rất nhiều khuyết điểm: Ngài thấy tất cả sanh loại dành nhau giết nhau để cầu sống thêm ít ngày, sống một lối sống hung dữ và đau-khổ rất đáng thương xót, nên mới phát tâm tìm các phương-pháp làm cho chúng-sanh thoát khỏi các điều khổ não.

Lòng đại-từ bi của Phật nhận biết rằng muốn cứu thoát chúng-sanh, tự mình trước phải giác-ngộ hoàn toàn tánh tướng của vũ-trụ nhân-sanh mới đủ công năng cứu vớt, đó là chỗ phát tâm của Phật. Phát-tâm như vậy đâu phải là tiêu-cực, nên

kết-quả được lối sống hiền-hòa an-vui tức là Đại-Niết-bàn. Ngài thành Phật rồi, ở không yên chỗ, đi quanh các nước thuyết pháp độ-sinh, cho đến lúc gần nhập Niết bàn, Phật còn độ được cho ông Tu-bạt-đa-la thành A-la-h. Xem như vậy thì biết Phật vì tất cả chúng-sanh mà phát-tâm chứ không phải vì tự-tư tự - lợi. Những người lầm tưởng Phật-pháp là yếm-thế ra ngoài luân-lý và nhân-sanh, đâu hiểu rằng người đời khổ vì ở trong giòng sanh mạng mà không giác-ngộ, nên không được an-ôn, và Phật - pháp chẳng những thương đời, mà còn có các phương-pháp thật-hành để giải-thoát cho đời, làm cho nhân-loại, làm cho chúng-sanh đều được an-vui hoàn-toàn. Thế mới biết duy Phật Pháp mới phát đạt được nhân-sanh, phát đạt cả sanh-hoạt về tinh-thần và vật-chất. Người học Phật, người học phép Đại-thừa của Phật, phải phát tâm nhận - lãnh trách - nhiệm ấy, mới thật là người học Phật.

(Tiếp theo)

TÂM-MINH

PHẬT-GIÁO (1)

Đạo Phật là con đường đưa chúng - sanh ra khỏi cảnh mê khổ, đến nơi sáng suốt giải thoát hoàn-toàn; Phật-giáo là lời của các bậc đã giác ngộ — các đức Phật — dạy dỗ cho chúng-sanh biết đường chính mà theo, biết phương pháp để đi cho đúng lối hầu mong đạt được các điều mong ước.

Những điều mong ước của chúng ta thật hết sức phức-tạp, nhưng tóm-lắt lại cũng không ngoài 4 điều sau này : chúng ta trông mong cho những cái ta ưa thích, -- nhất là đời sống của chúng ta — được thường còn mãi mãi ; chẳng những thế, chúng ta còn mong cho thường vui, thường đầy đủ các đức tính cao quý tốt đẹp, thường được tự tại nghĩa là muốn làm được gì đều làm được, muốn biết gì đều biết được cả, 4 điều ấy là bốn đức THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH.

Xu hướng thâm trầm của chúng ta là vậy, thế mà luôn luôn chúng ta chỉ quay cuồng trong vòng bất mãn ; Muốn « thường » mà luôn luôn thấy các vật ta mến yêu ưa thích bị hủy hoại ; muốn « lạc », mà thường gặp các nỗi đau đớn phiền hà ; muốn tự - tại mà luôn luôn bị hoàn cảnh lôi kéo ; muốn tịnh, mà luôn luôn bị những tâm niệm xấu xa hành-hạ.

Song vì vậy là xu hướng thâm trầm của loài người, nên trải hàng hà sa số kiếp, loài người vẫn không chán nản, luôn luôn đeo đuổi theo, Tuy không mấy người thành tựu, nhưng cũng có bậc trải nhiều kiếp kinh nghiệm, đã nhận được lẽ nhân - duyên-sanh mà thoát được sanh-l tử, và đạt được đức THƯỜNG trong bốn đức.

Lý nhân-duyên sanh là ; sự sự vật vật đều do nhân duyên ảnh hưởng nhau mà có hình tướng, có sanh, diệt, cho đến sự sống, chết của mình cũng chỉ là một ảo-cảnh do nhân duyên mà hiện, chứ cũng

không có gì là thiệt. Nhận được lẽ ấy, biết bản lai tâm tánh không hề sanh không hề diệt, vì thể thoát khỏi vòng sinh tử. Các vị tự chứng được chơn lý và tự giải thoát như thế là các vị Độc-giác hay Bích-chi Phật.

Song, tuy đạt được đức thường, cũng chỉ mới giải-thoát cho mình, còn biết bao chúng-sanh đang lăn-lóc trong cảnh sầu, đau ? Không cứu được người, thì đức « tự-tại » vẫn chưa viên-mãn, cho đến đức « tịnh », đức « lạc » cũng thế. Vì vậy, có vị đã tự-giác rồi, phát đại-bi-tâm muốn giác-ngộ cho chúng-sanh, luôn luôn ra vào trong tam-thế để làm việc ích-lợi cho chúng-sanh, giúp chúng-sanh tu đủ thiện-căn để có thể tu đạo giải-thoát. Nhờ nguyện lực từ-bi ấy, nhờ công-đức to lớn vô cùng kia, mà tâm-lượng mở rộng vô-cùng, trí-huệ sáng-suốt, được căn-bản-trí chứng rõ tâm-tánh, được sai-biệt-trí chứng rõ tâm-trạng chúng-sanh và phương-pháp cứu độ trong mọi trường-hợp.

Theo lời đức Phật Thích-Ca dạy, thời đức Phật chứng quả đầu tiên là Đức Oai-âm-Vương, và từ lúc Ngài ra đời đến nay, số năm không biết thế nào mà tính, nhưng ít nữa cũng bằng số nguyên-lũ trong vô-lượng hằng hà sa số thế-giới. Từ lúc có đức Oai-âm-Vương ra đời, mới có Phật-pháp ra đời để dạy phương-pháp tu-hành cho chúng sanh.

Vô-lượng kiếp sau đức Oai-âm-Vương, thì có đức Đại-thông-Trí-Thắng Như-lai ra đời, lúc đức Phật này xuất hiện, Đức Thích-ca mới bắt đầu tu-hành. Đến đời đức Phật Không-Vương, Ngài mới phát Bồ-đề-tâm. đến đời đức Phật Nhiên-Đăng thì được thọ ký, và đến đời đức Phật Ca-Diếp, thì được Bồ-xử, nghĩa là liền trong kiếp sau sẽ thành Phật.

Xem lịch-sử Phật Thích-ca, chúng ta sẽ thấy Ngài rất thần-thông, chúng ta không nên ngạc nhiên về các điều ấy, vì chính các nhà khoa-học, chỉ biết đôi luật về vật-lý, đã làm được nhiều việc kỳ-di

như bay, lặn vòng quanh thế-giới v. v. . . . như các nhà thời-miền chỉ hơi biết dụng tâm đã có thể chuyển luân-tượng, sai sử người ở xa ; thời một vị đã rõ biết lý-tánh vũ-trụ hoàn-loàn đã dụng tâm viên-mãn như Phật, còn coi các thần-thông ấy ra gì nữa ; cho nên Phật xem các phép ấy như các trò múa rối chỉ nên tùy duyên dùng hóa độ chúng-sanh mà thôi.

Cho đến đời sống phi thường của Ngài cũng không đáng cho ta ngạc-nhiên, đối với bậc thần thông như Phật, thời ta có thể đoán biết đời sống ấy chỉ là một hiện tượng Phật hiện ra để gây một nhơn duyên quý báu cứu độ chúng-sanh : Tùy tâm niệm xấu tốt của mình, tùy từng bậc trí-luệ của mình, mỗi người đều được chịu ảnh hưởng tốt nhiều ít ; song đối với bất kỳ ai, đời Ngài rõ ràng là một gương từ bi sáng suốt làm sáng hẳn cõi ác-trước chúng ta. Vậy chúng ta nên thành kính mà chiêm nghiệm, chớ quá đề ý đến tiểu tiết phù - phiếm vô-ích.

Đức Phật Thích-ca thuyết pháp trong 49 năm. Sau lúc Ngài nhập diệt, các vị Bồ-tát, A-la-hán, kết tập kinh điển để truyền đạo-lý cho đời sau. Phần Đại-thừa Phật-giáo cao siêu chỉ đề riêng cho hàng Thánh chúng thượng-căn, nên chép bằng chữ Sanscrit, phần tiểu-thừa chắc chắn, thực-tế, dễ hiểu đề diu dặt đại-chúng, nên viết bằng lối chữ phổ-thông là chữ Pali (Sanskrit đối với Pali cũng như chữ Latin đối với chữ Pháp.)

Các yếu lý của Phật-giáo trong Đại-thừa và Tiểu-thừa có sai khác (trong một bài sau sẽ giải rõ) song các phương pháp tu hành của hai thừa đều dựng trên một luật chắc chắn hiển nhiên là luật nhân-quả.

II—Về giáo lý : Lý nhân-quả ; các cõi phạm Thánh : các lối tu.

A - Nhân quả : nhân là nhơn duyên, quả là quả báo, kết quả : lý nhân quả ấy rất rõ ràng, hiển hiện nơi

ngoại cảnh cũng như ở nội tâm, và tướng ai ai cũng có thể nhân được. Cảnh có thể tùy nhân duyên mà biến đổi theo tánh cách của nhân; tâm cũng thế, có thể luyệ cho xấu hơn hoặc tốt hơn, miễn làm đủ các nhân xấu hoặc tốt.

Nhân quả và nghiệp báo : Ở đời, chúng ta gây nghiệp gì thì phải chịu quả báo của nghiệp ấy (nghiệp là sự nghiệp, hành động) ta làm lành gặp lành; làm dữ, gặp dữ. Người làm lành thì gây một hoàn cảnh lành và nâng tâm trí mình cao dần lên, cứ làm lành mãi, tâm trí sẽ càng cao, sẽ rời các hoàn cảnh xấu mà tiến dần đến hoàn cảnh tốt. Vậy lý nghiệp báo ấy chẳng qua là lý nhân quả trong đời sống mà thôi.

A) Nghiệp báo thế-gian : Thế - gian là nơi còn có hoàn-cảnh đối-dối với « cái ta », nghiệp báo thế-gian là nghiệp do « ta » gây ra có quả cho ta được hưởng. Đã có cảnh có ta thì còn có sanh, tử xoay vần; vậy gây nghiệp như thế - gian hay là nghiệp như sanh diệt tất sẽ được quả báo thế-gian nghĩa là quả báo sanh-diệt, không sao đạt được các đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Theo lời Phật dạy, thời xoay vần trong vòng nghiệp báo thế-gian có thể lúc ở cõi rất khổ là địa-ngục, lúc ở cõi rất vui là cõi trời, và lúc ở cõi có khổ có vui là cõi người.

1) Cõi người : Hiện nay ta ở trong loài người, nếu biết trau-dồi trí-thức tài-năng, thời sẽ tiến dần lên địa-vị các bậc cao đẳng trong loài người, nếu gây nghiệp dữ, hủy hoại thân-thể tinh-thần thì sẽ hóa thành hạ đẳng như vật.

2) Các cõi khổ : Nếu ở vào bậc hạ đẳng như loài mã còn gây nghiệp dữ nữa, thời lúc hết phước duyên ở cõi người, sẽ đầu thai vào các cõi xấu hơn, khổ hơn.

a) **Tu-la** : ở đây, tuy chúng sanh tài-phép hơn loài người, nhưng hay giận dữ, tranh đấu nhau, nên ít được an-vui.

b) **Súc-sanh** : chúng sanh cõi này cực khổ, thiếu thốn, ngu-si hơn cõi người.

c) **Ngạ-quỷ** : chúng sanh cõi này thường thiếu ăn, hay bị nạn đói.

D Địa-ngục chúng sanh cõi này gây nghiệp dữ nên chịu quả báo rất khổ, như bị các cực hình gươm đâm, đá ép, lửa đốt v. v.

Các cõi vui : nếu ở các cõi khổ, cõi người mà tu theo các phép lành sẽ được tiến hóa dần lên các cõi trời. Song có lúc vì có hành động mà tạo nghiệp thì gọi là **động-nghiệp**, có lúc chỉ tu thuyên định mà được nghiệp báo tốt thì gọi là **bất động-nghiệp**.

Theo động-nghiệp thì chỉ lên đến cõi trời **Dục-giới** thiên. ở cõi ấy lòng dục đương còn, nên sự vui cũng còn thô phước báo ít.

Muốn tiến lên quá **Dục-giới-thiên** phải tu định,

Tu được sơ thuyên định (cõi thuyên thứ nhất) thì được lên cõi trời « **Sắc-giới** » ở đây đã được thoát ly dâm dục, song còn sắc thân.

Tu cao hơn nữa, thời được lên các cõi trời **Vô-sắc** (không còn sắc thân nhưng vẫn còn quan-niệm chấp có ta) cho đến cực cùng tột cõi **Vô-sắc** là « **phi-phí-tướng phi tướng xứ** ».

Ở các cõi trời phước báo rất quý rất bền, nhưng còn « chấp có ta » thì các tập khi cũ vẫn còn, và còn có thể chịu ảnh-hưởng các loài khác, không tự chủ được, có lúc sanh nhàm chán cảnh thanh-tịnh cõi trời, vì thế thuyên định sút kém, phước báo hết, cũng sẽ phải trụt xuống các cõi dưới, và như thế không sao thoát khỏi vòng sanh-lữ luân-hồi được, bao giờ bỏ được « chấp ta » thì mới được khỏi sanh

diệt chúng quả A-la-hán.

Chúng ta không nên ngạc-nhiên về sự chia chẻ ra nhiều cõi này, (thiệt ra đây chỉ là lóm tằm, chứ mỗi cõi như thế còn gồm nhiều tầng bậc nữa) chúng ta thử xét đồng ở trên một quả đất này chúng ta đã có thể chia ra được biết bao cõi cho biết bao nhiêu giống rồi ; huống chi ngoài thế-giới ta, còn biết bao nhiêu thế-giới nữa, lại cảm-giác ta rất hẹp hòi, có làm thế nào mà nhận biết được hết cả các loài khác ! Khi chúng ta chưa biết Âu-châu, Mỹ-châu chớ tưởng chỉ có Á-châu là toàn-thế vũ-trụ.

Nghiệp báo, xuất-thế-gian : Đã biết hãy còn chấp có « Ta » thì vẫn còn phải sanh-diệt luân - hồi, dẫu hưởng phước báo đến đâu rồi cũng có lúc hết, vậy muốn thoát sanh diệt đạt được đức thường, tức phải trừ tiết sự « chấp có ta » ấy. Đó là yếu-tắc của phép tu xuất-thế-gian và lối tu ấy cũng là đặc-điểm của Đạo-Phật, làm cho Đạo-Phật khác hẳn với các đạo khác.

Có người sẽ nghĩ nếu bỏ « Ta » đi, thì còn gì nữa, chúng ta chớ mơ mộng vô ích, chưa ra khỏi phòng tối, có phỏng đoán phong cảnh ở ngoài cũng mơ màng. Nếu ta nhận rõ còn « Ta » là còn nguyên-nhân của các sự khuyết điểm, thời ta cứ cả quyết tu đề bỏ quách đi. Huống chi trước ta, đã biết bao vị thông-minh đức hạnh đã từng theo đường ấy rồi và đã mở được một lối sống quý-giá vô cùng.

Tu theo nghiệp nhơn xuất - thế gian có thể đến hai quả :

1) Tự giải-thoát cho mình.

2) Giải-thoát cho mình và đủ năng-lực giải-thoát cho người.

Mối tự giải-thoát phải tu theo Thanh-văn-thừa và Duyên-giác-thừa. Muốn đủ năng - lực giải - thoát cho người nữa thời phải tu Bồ-tát-thừa, lột quả Bồ-tát-thừa là quả Phật, cho nên Phật cũng thường

có danh hiệu là Đại-bồ-lát.

Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-lát, Phật là chư Thánh.
II). Các lời tu :

a) Thanh-văn Thừa : Thừa này dạy cho nhận rõ được các sự khổ ở đời là sanh, già, bệnh, chết. Xét biết các sự khổ ấy đều do các tập quán sai lầm từ xưa gây ra. Các tập quán ấy là mười kiết sử (kiết là trói buộc, sử là sai khiến) có năm thứ độn-kiết-sử hay là các tình làm cho mình cực khổ là : Tham, giận, si, kiêu, nghi và năm thứ lợi-kiết-sử hay là những ý-nghĩ, quan niệm (âm thầm hoặc tỏ rõ) sai lầm như các quan niệm : Thân là ta (Thân kiến) ; có các giới hạn có, không, xa, lâu, mau, sống, chết v.v (Biên kiến) ; nhận các lý sai lầm trái với lý doán đúng đúng đắn và chiêm nghiệm (Tà kiến) ; đã nhận lầm như thế, đến lúc biết được chánh lý vẫn còn giữ các thành kiến sai lạc kia (kiến thủ) ; biết các lỗi hành động lầm lạc của mình là lầm mà vẫn không bỏ (giới cấm thủ).

Chứng sanh vì có năm lợi-kiết-sử mà mang nghiệp chướng-sanh, vì có năm lợi-kiết-sử mà làm cho nghiệp thêm nặng. Vậy mười Kiết-sử ấy là nguyên do của các khổ sinh tử, muốn thoát sanh tử phải tu các phép để trừ các kiết-sử kia. Tu các phép ấy là tu đạo. Trừ tuyệt được các thói xấu ấy là chứng diệt, chứng diệt tức là chứng Niết-bàn của quả Thanh-văn. Chứng được quả này là A-la-hán.

b) Duyên-giác-thừa : Thừa này dạy cho biết rộng lớn hơn không chỉ biết lý-do sanh diệt của một thân, mà còn hiểu biết lý-do sự thành, trụ, di, diệt của mọi sự vật, của toàn-thể vũ-trụ, bằng cách quan-sát lý Nhơn-duyên-sanh.

Nhơn-duyên là ảnh - hưởng của các nhơn, các nhơn chung nhau ảnh-hưởng mà hiện ra sự vật, Lý ấy có thể nhận được bằng 2 lối quán-sát :

1) Chia chẻ vật-chất : như nhận thấy cây bút

là do gỗ, nhân công và kim-khí mà thành, vậy biết chỉ là một giả tướng do duyên sanh.

2-) Chia chẻ cảm-giác : như bút là do các cảm giác : thấy, nghe, ngửi, chạm mà thành ; vậy biết bút là do duyên sanh.

Nếu thiếu một duyên thời tánh cách vật sẽ biến đổi hẳn. Nên chữ duyên theo Phật-giáo có nghĩa là tương-quan : Nếu có cái này, thời cái kia mới có ; cái này đổi, cái kia cũng đổi ; cái này không, cái kia cũng không.

Nhơn hiểu lý duyên-sanh ấy mà biết rằng sự sống, chết, cũng do duyên-sanh. chỉ là một giả-tướng (như cây bút nói trên) chứ không có thật. Đã không thật thời có gì đáng là sống mà ưa, có gì thật là chết mà ngại ; Bản-lai vẫn chỉ là nhưn-duyên biến-hiện theo nhưn-quả chứ có gì sanh, có gì diệt.

Duyên-giác-thừa xét sự sống chết của ta do 12 nhưn-duyên giả hiệp mà thành là : 1-) Vô-minh, 2-) Hành, 3-) Thức, 4-) Danh-sắc, 5-) Lục-nhập, 6-) Xúc 7-) Thọ, 8-) Ái, 9-) Thủ, 10-) Hữu, 11-) Sanh, 12-) Lão-tử.

1-) Vô-minh : Hiện nay ta sống mà không hiểu vì sao lại có sống, sống là thế nào ; sự không hiểu ấy là vô-minh.

2-) Hành : Vì vô-minh mới có tám-niệm sanh diệt.

3-) Thức : Có tám-niệm mới có nghiệp báo là thức.

4-) Danh-sắc : Có thức mới chia chẻ ra có danh (lâm) và có sắc (cảnh).

5-) Lục-nhập : Đã phân biệt có danh, sắc, thì có giác-quan đối đãi, giác-quan ấy là lục-nhập.

6-) Xúc : Có giác-quan thì có cảm-xúc.

7-) Thọ : Có cảm-xúc thì có lãnh thọ.

8-) Ái : Có lãnh thọ thì có ưa, ghét.

9-) Thủ : Ưa, thì muốn nắm giữ lấy.

10.) Hữu : Vì nắm giữ mà chắc có thiệt.

11.) Sanh : Đã nhận là chắc có, thì tức nhận « đời sống » mình có thiệt, hơn đó có sanh mạng.

12.) Lão-tử : Đã có sống thì phải theo sự chuyển biến của đời sống ấy mà có già, có chết.

Vì không hiểu sự thật của đời sống nên có vô-minh, nếu hiểu được lý-nhân-duyên, thì biết rằng có sống có chết chỉ vì quan-niệm sai của mình, đã nhận một « giả-tướng » làm thiệt; vậy nếu hiểu được lý-nhân-duyên tức là trừ được vô-minh, và trừ luôn được cơn ác-mộng « có sống, có chết, có luân-hồi » mà được tỉnh ngộ.

Các vị tu theo thừa này thời cũng chứng Niết-bán như các vị A-la-hán, song vì nhờ quán lý nhân duyên sanh mà giác-ngộ cho nên gọi là « Duyên-giác ». Lại các vị này đã biết lý nhân-duyên sanh thời có thể gây duyên mà chuyển-biến ngoại cảnh, nên thường thần-thông hơn các vị A-la-hán. Song các vị Duyên-giác chưa thật chứng được « Pháp-giới-tánh » hay là tánh cách tuyệt-đối đối-đãi của vũ-trụ, nên năng-lực cũng chưa được rộng-lớn có thể cứu-độ cùng khắp chúng sanh được.

Muốn thiệt được tự-tại phải tu Bồ-tát-thừa.

Bồ-tát thừa. = Bồ-tát-thừa dạy các phép tu cao hơn, chẳng những dạy quán-sát thân mình, trừ khổ cho mình; quán-sát sự-vật để biết lý-do sanh-diệt, mà còn dạy cho nhận biết chân-tánh của toàn-thể vũ-trụ để tự thoát sanh diệt, và biến-cải vũ-trụ để độ chúng-sanh. Và chỉ có lúc biến-cải được vũ-trụ như thế thì mới thật được Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Theo Bồ-tát-thừa dạy, vũ-trụ gồm cả tâm cả cảnh, tâm cảnh lên-lạc mật-thiết, tuy hành tướng sai khác mà vẫn không phải hai, không thể rời nhau mà tự có riêng biệt được, vì thế cảnh với tâm chỉ đối-đãi với nhau, duyên nhau mà có, mà chuyển biến theo luật nhân-quả. Vậy thì biết « Cảnh duy tâm »

và « **Tâm cũng duy cảnh** » (1).

Dụng-tâm : Đã nhận được chân - tánh như thế thì biết rằng nếu thay đổi cảnh hoặc tâm là có thể chuyển-đi vũ-trụ được : song đối với nghiệp loài hữu-linh, họ thường tưởng-tượng có tâm của mình, chỉ tâm là thuộc mình, nên Phật hay dạy cho biết lý duy-tâm và dụng-tâm mà biến cảnh.

Nhưng thật đến bao giờ không còn phân - biệt cảnh-tâm, chỉ sống theo chân-như-tánh (tánh chân-thật không phân-biệt tâm cảnh) lúc bấy giờ mới thật dụng-tâm được hoàn-toàn như Phật, lúc ấy mới thật được hoàn-toàn Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

KẾT LUẬN

Xem qua như thế, chúng ta cũng thấy đạo Phật không phải là một thuyết siêu hình vắn vơ, không phải chỉ là một triết-lý suông...Phật-giáo cung cho người những phương-pháp chắc-chắn để phát-triển các đức tính tối cao của đời sống, để cho người tiến dần lên những tầng bậc cao siêu hơn cho đến quả Phật là lúc các sự khuyết-diễm đều hết, các đức tánh phát triển cùng tột viên-mãn.

Lại nếu ta xét thấy ở đời các người tài đức bao giờ cũng giúp ích rộng hơn, tất ta hiểu sức độ sanh của các bậc tài đức vô cùng như chư Bồ-tát, chư Phật thật rộng lớn đến nỗi ta không tưởng tượng được. Con thơ nào mấy khi nhận rõ công ơn Cha Mẹ. Chúng ta, sự thấy nghe có hạn lượng, sức nhận xét, suy nghĩ kém cỏi, cho nên thường bị các giả-danh, các hình tượng lừa gạt, kêu vang lừa dối, mà không nhận được ân đức của các Ngài tuy nhẹ nhàng nhưng nhuần thấm, lợi ích sâu xa như ngọn gió ấm, như làn mưa nhẹ đầu xuân, đem sinh lực đến cho muôn loài một cách dịu dàng êm ái.

PHẠM-HỮU BÌNH

(1) Duy : cái này không thể ngoài cái kia mà tự có được. (Xem bài Duy-tâm Duy-căn số 48)

U'U-ĐÀ-DI

(Tiếp số 57)

Thái-tử ngồi một mình bên gốc cây suy nghĩ. Bao nhiêu những cảnh xưa lại hiện về trong óc. Những phút sung-sướng, những lúc đau buồn, những cảnh hào nháng xa hoa, những kẻ tật bệnh đói rét, những thảm trạng của đời người lần lượt diễn ra trong trí của vị Hoàng-tử. Đang lúc ấy, một người đầu không có tóc mình khoác một manh áo vải xấu xí, tay chống gậy đi đến. Nhưng dáng điệu thì uy nghi, đôi mắt thì long lánh như có luồng điện. Thái-tử thấy trong điệu bộ lạ-lùng của người này có cái vẻ huyền bí, khác hẳn với những người thường ngày đã gặp trong cung. Thái-tử hỏi :

— Ông ở đâu lại ?

— Tôi ở khu rừng ở xứ này.

— Ông làm gì ở đây ?

— Bẩm tôi là kẻ tu-hành theo tìm học đạo.

— Tu hành là người thế nào ?

Là một kẻ chuyên suy nghĩ đến những lý lẽ của mọi sự mọi vật để tìm tòi những phương-pháp phá hết các sự phiền muộn đang buộc con người với đời không thiết, được dó mắt đó, để về sau hết kiếp này khỏi chịu kiếp khác.

Nói xong ông thầy dùng phép thần-thông bay bổng lên không lẫn với những màu sắc huyền ảo của hoàng-hôn.

Thái-tử mừng reo lên.

— Hay lắm ! Hay lắm ! Ta quyết tu thế nào cho được như vậy mới nghe.

Ưu-Đà-Di và kẻ hầu đã quay về. Tuy dưới ánh hoàng hôn mà ai nấy cũng đều lấy làm lạ rằng Thái-tử Thích-

Cà đã trở nên vui-vẻ.

Đêm ấy Thái-tử tàu với vua cha cho theo tu-hành như ông thầy tu kia. Vua đặt mình khuyên can :

— Ai đeo vào cho con cái tư tưởng điên rồ ấy ? Con không phải là nhà vua trên muôn ngàn dân ở xứ này sao ? Bây giờ con lại làm một ông thầy tu cực khổ, rách rưới, thì tu nhục nhã biết bao nhiêu ; giống dối vua chúa có phải đến đây là hết ?

— Thưa cha, công đức của cha mẹ như trời như bể. Con sống ở giữa châu báu ngọc ngà, giữa những sự nung nịu, chiều chuộng, không còn thiếu gì nữa. Tuy vậy bấy lâu nay con vẫn bị những điều phiền muộn mà không cuộc vui gì, không vàng ngọc gì làm khuấy khỏa được. Nay bỗng nhiên con gặp được người tu-hành nghe có mấy lời của người mà lòng con như cất được gánh nặng từ bấy lâu nay đè nén. Vậy xin vua cha cho con được xuất-gia, đó là một cách yên vui hoàn-toàn vậy.

— Ta đã hết sức chiều Thái-tử, nhưng đến việc này ta không thể nghe theo. Con là con nhà vua, con sẽ là nhà vua, ta chỉ biết có thế, con đừng xin nài gì nữa.

Từ đây vua truyền lệnh cho những người hầu canh giữ trong cung rất nghiêm ngặt. Thái-tử đi đâu là có người theo, tuy vậy nghĩ đến chuyện xuất gia, Thái-tử vẫn luôn vui-vẻ.

Đêm nào cũng vậy ở các cửa thành, vẫn có lính canh nghiêm ngặt, lại có lính đi tuần tiễu. Thái-tử Thích-Ca vẫn ngày đêm lo nghĩ về kế xuất gia.

Một đêm Thái-tử đợi cho trong cung cấm không còn một tiếng động, nhẹ nhàng nhóm dậy khoác áo, dắt vào mình một thanh kiếm ngắn. Qua mấy cánh cửa sổ đề mở, trời đêm chỉ còn nhấp nháy sao mờ, Thái-tử vươn mình từ trên cửa sổ tầng thứ ba nhảy xuống vườn hoa.

Thỉnh-thoảng lính hầu lại vác súng đi qua lại. Thái-tử Thích-Ca vừa rớt xuống đất, thì nhóm mình nhảy vào một

khóm lại để tránh những quân lính canh. Vừa lúc ấy một bóng đen ở bên cũng nhảy xô theo. Thái-tử Thích Ca nhanh nhẹn khóa hai tay người ấy.

— Bầm Thái tử, tôi đây ạ.

Nghe giọng nói Thái-tử Thích-Ca nhận được tiếng của Xa-Nặc, người hầu trung thành của mình.

— Người làm ta giết mình tưởng quân gác, thế đã xong chưa?

— Bầm lữ kia uống rượu tằm thuốc mê đã ngủ lăn ra cả. Tôi định vào đây để định mời Thái-tử đi ngay. Tôi nhắm cái cửa sổ ngái vừa nhảy qua, nhưng quân canh lúc ấy đi chưa khuất.

— Thôi chúng ta nhanh chân chứ, ngựa đâu ?

— Bầm dưới gốc cây dừa nước đằng kia.

Hai người len qua các khóm cây rồi lên ngựa. Trong đêm, chân con ngựa của Hoàng tử sáng lên như bốn ngọn đèn xanh. Tuy vậy lính canh không ai biết gì cả. Anh nào cũng như đang đánh một giấc ngủ ngon. Không mấy chốc hai con ngựa đã nện móng trên con đường vắng-vẻ ngoài thành Ca tỳ La-Vệ. Phố xá lâu đài im lặng như đang êm giấc trong đêm khuya, dưới trăng sao mờ mờ, dần dần bị bỏ lại bên xa trong đêm mù, rồi tan mất. Thái-tử vừa đến một khu rừng rậm.

— Xa-Nặc trung-thành ơi, thôi anh hãy về, mang con ngựa về tặng Ưu-Đà-Đi vì ta không muốn một ai theo ta vào trong rừng rú.

Xa-Nặc toan kêu nài, Thái-tử bèn ra hiệu nên vắng lòng về ngay.

Xa-Nặc buồn rầu dẫn con ngựa về. Lúc quay lại bóng Thái-tử vừa khuất trong rừng rậm.

Trời vừa tảng sáng. Ưu-đà-Đi nghe có tiếng gọi nhỏ nhỏ nhưng cấp bách ngoài cửa. Ưu-Đà-Đi vừa mở cửa, Xa-Nặc đã nhất hải tẩu ra :

Bầm Cô nương, Hoàng tử tặng cô con ngựa quý, tôi đã buộc nó ở bên ngoài, thôi xin chào Cô nương tôi đi chịu tội đây.

Ưu-Đà-Di sững sốt níu áo Xã-Nặc lại hỏi chuyện đầu đuôi. Xã-Nặc bèn đem câu chuyện thuật lại Ưu-Đà-Di toan khóc. Xã-Nặc dỗ dành :

Thưa cô, đây là ý muốn của Thái-tử, lẽ nào cô lại không muốn Thái-tử vui hay sao ? Tuy vậy nàng vẫn không thể dằn lòng mình, bỏ mặc Xã-Nặc ngồi đấy, ra ngoài lấy ngựa của Xã-Nặc phóng như bay ra ngoài hoàng-thành trước những lũ quân lính ngo-ngác. Xã-Nặc ngồi lại một mình trong phòng lắc đầu buồn bã. Ngoài sân chim rú lông đầy cả lối đi.

Ba ngày lưu lạc trong rừng rậm, người nhọc bụng đói mà vẫn không tìm được Thái-tử. Ưu-Đà-Di đã ngã gục bên ngựa, một tối thứ ba, đến lúc mở mắt dậy nàng thấy trong mình nhẹ nhõm khác thường. Một người mình trần trụi-trụi không râu không tóc, nhưng với những đường nhăn trên mặt trên mình có vẻ đã nhiều tuổi lắm. Ưu-Đà-Di bủn rủn cả người, nàng liếc thấy con ngựa của mình đang đứng bên một gốc cây định chạy lại lấy ngựa đề trốn. Người kia gọi dặt lại :

— Nàng Ưu-Đà-Di.

Nghe gọi đúng tên mình, nàng quay lại kinh ngạc nhưng cũng cố can đảm xem thử người nào lại biết mình.

Cô không nhớ tôi sao ?

— Thưa cụ tôi không được rõ.

— Nàng không nhớ nàng đã cho tôi cơm ở nhà nàng hay sao ? nàng chóng quên thế ?

— Tưởng rằng ma quỷ hiện lên để ám ảnh mình vì nàng không nhớ người ấy là ai. Tuy vậy nàng vẫn giữ lễ phép trả lời :

— Thưa cụ, không phải tôi vô tình, nhưng trong lúc bối rối không nhìn được rõ xin cụ tha lỗi.

— Phải tôi biết cô đang bận đi tìm Thái-tử phải không ? Nghe người đoán rõ ý nghĩ mình, nàng vội kêu lên :

— Cụ ơi, Hoàng-tử ở đâu cụ bảo giùm tôi. Thái-tử đi

lỗi nào hở cụ ?

— Thái-tử đi đã xa rồi, cô ạ. Cô hãy ngồi yên đây rồi tôi sẽ giúp cô.

Ưu-Đà-Di vâng lời nghe theo.

Ưu-Đà-Di nhẹ dạ như vậy. Nhưng cho hay người có ý nghĩ tới không bao giờ bị hại. Người nói chuyện với nàng chỉ là một đạo sĩ không phải là ma hay quỷ gì.

Không đầu gì cô, tôi là một kẻ tu-hành lâu năm ở chốn rừng này học được ít phép mầu-nhiệm, đã đoán biết những việc đã qua và sắp xảy ra. Đêm qua nhìn một ngôi sao, tôi biết rằng Thái-tử sẽ xuất-gia, tôi rất vui mừng, vì thế nào Hoàng-tử sau này cũng sẽ là một vị đại cứu-thế.

Thưa cụ, thế tôi có gặp được Hoàng-tử không ?

— Nàng hãy yên tâm, Hoàng-tử đã vào rừng sâu khó lòng mà gặp được, nhưng nàng hãy vui đi, vì thế nào ngài cũng thành Phật mà tế độ chúng-sanh.

— Phật là thế nào ? Bầm cụ có uy-quyền, có sung-sướng hơn Hoàng-tử không ?

— Chính chúng tôi cũng cố tu đề một ngày kia được thấy ánh sáng của Phật đây. Phật là đức đại-từ đại-bi thông thuộc hết những lý-lẽ cao siêu những nguyên nhân huyền bí để chỉ vẽ chúng ta tránh xa con đường tội lỗi khổ sở, các ông Hoàng làm sao sánh kịp.

--- Thế liệu Hoàng-tử có thành Phật được không ? Ngài có về với chúng ta không ?

— Thế nào ngài cũng thành Phật, một đức Phật xưa nay chưa từng có ở thế-giới này (1) Thôi tôi chỉ nói chừng ấy cho cô vui, cô nên nghe tôi về ngay nhà vì chính là lúc cô nên về theo sự suy đoán của tôi, cô hãy cưỡi ngựa chạy về nhà đi, tôi sẽ đưa cô ra khỏi rừng này đây mấy viên thuốc cô hãy cầm lấy đề cứu người. Bây giờ cô hãy ngậm một viên đi. Vừa ngậm xong tức thì nàng thấy trong người vui tươi tự kiếm được lời đề tự an ủi mình.

Hoàng-tử rồi sẽ thành Phật, người sẽ về với chúng ta.

Đến cổng nhà, nghe có tiếng khóc mới chạy vào, thì thấy mẹ và em đang ngồi bên đường của ta. Ông cụ đang thoi thóp trên đường bệnh. Nàng cầm một viên thuốc bỏ vào miệng cha, tức thì ông cụ mở mắt chống tay ngồi dậy tỉnh táo như thường, nàng bèn lấy hai viên thuốc khác đưa cho mẹ và em tức thì ai nấy đều trở nên vui-vẻ.

Bà mẹ ôm lấy nàng vào lòng :

— Tôi lại được gặp con tôi xinh tươi hơn trước, thật là phước quá. Nhưng làm sao con lại về được đây?

Ưu-Đà-Đi đem mọi chuyện kể lại cho cha mẹ nghe.

Hai cụ đều tỏ vẻ sung-sướng. Vừa lúc ấy, những cây cỏ ngoài vườn cũng đều reo lên, cây khế nói :

— Nàng đã về, nàng sẽ vui-vẻ ca hát với chúng ta, ở bên gốc của ta. Cây huệ :

Đêm nay tôi sẽ nở hoa trắng muốt cho nàng vuốt ve.

Cây hồng :

Tôi sẽ búi lấy tóc nàng, nàng ơi.

Con ngỗng :

— Nàng sẽ chia tay xinh đẹp của nàng cho tôi mổ lúa.

Mặt hồ :

Chiều chiều, nàng lại ra đây rửa chân, tôi lại được ôm bóng nàng.

Chim bồ-câu và chim chích :

— Nàng lại cùng chúng ta hát đây.

Con chó :

— Nàng ve vuốt tôi đi, ve vuốt tôi đi.

Con chim từ ngày nàng rời cung điện vẫn bay theo nàng :

- Tôi sẽ luôn luôn đậu trên cây đào của nàng.

Ưu-Đà-Đi tưởng những ngày mình sống ở trong cung điện bên cạnh vị Hoàng-tử, chỉ là một giấc mộng xinh đẹp để điểm trang cho đời sống của mình, từ đây nàng mới thật sống vui-vẻ bên cạnh những cảnh vật lúc nào cũng âu yếm mình.

PHẬT - GIÁO SƠ HỌC

Tiếp theo số 54

Hỏi. — *Chả: tâm-trí Ngài cũng có vẻ kỳ-dị mới làm cho phụ-vương thận-trọng đến thế chứ ?*

Đáp. — Phải. Ngài rất thương yêu tất cả sinh-vật. Hồi còn bé, vua cha dắt ngài xem dân cây cày. Thấy người vật hi-hục vất vả dưới ánh nắng như thiêu như đốt, chim chóc đánh nhau mổ ăn các loài côn-trùng đầy-dụa trên luống đất mới, ngài thương xót buồn rầu vô hạn. Từ đấy vua cha hết sức giữ gìn, nuôi ngài trong cảnh tưng bừng vui sướng, mãi cho đến lúc ngài thoát chứng kiến cảnh già, đau, chết vừa thuật trên kia.

H. — *Ngài có ngở ý định xuất-gia cùng phụ-vương ngài không ?*

Đ. — Sau những cuộc ngự du ấy, ngài tâu xin lìa khỏi chốn hoàng-cung để tìm nguyên nhân đau khổ và phát minh phương pháp giải-thoát những nỗi đau khổ ấy.

H. — *Vua cha có ưng - thuận không ?*

Đ. — Không, nhưng sau cũng có hứa rằng nếu có cháu nối dòng, vua sẽ bằng lòng để Thái-tử được tự do làm theo chí nguyện.

H. — *Thái-tử có vâng lời không ?*

Đ. — Thái-tử tuân theo ý muốn của cha, chờ ngày có con nối dòng. Khi con ngài là La-hầu-La (Rahula) đã ra đời, ngài quyết xuất-gia tìm đạo giải - thoát.

H. — *Sao Ngài phải xuất-gia mới tìm được đạo giải-thoát?*

Đ. — Vì ngài đã học tất cả học thuyết thế-gian mà không được thỏa-mãn, nên ngài muốn tìm các vị Tiên, các vị Đạo - sư chuyên tu trong núi, để

học hỏi ; vì ngài nghĩ rằng cần phải chuyên tâm suy nghĩ mới tìm được đạo, mà muốn cho rảnh trí chuyên tâm, ngài cần phải từ bỏ tất cả những gì có thể làm cho tâm trí sao lãng.

H. — *Ngài có cho vua cha hay lúc từ bỏ hoàng-cung không?*

Đ. — Không, ngài sợ vua cha thương nhớ quên lời hứa mà giữ ngài lại, nên một đêm kia, sau một bữa yến tiệc linh đình, ngài thừa lúc mọi người còn mê man giấc điệp, lặng lẽ trở dậy để làm theo chí nguyện. Ngài định thục bà Gia-du-đa-la để ngỏ đôi lời từ biệt, nhưng biết rằng lòng nhi-nữ hay bịn rịn có thể ngăn trở ý định mình ngài chỉ đành nhìn vợ, nhìn con một lần sau chót, rồi gọi đệ-tử trung thành là Xa-Nặc, thẳng ngựa Kiền-trắc, thầy trò phóng ngựa ra cửa thành, quân canh mãi ngủ không hề hay biết gì cả.

H. — *Ngài đi đâu ?*

Đ. — Ngài đi đến sông An-nô-ma (Ánama), cách xa thành Ca-ti-la lắm.

H. — *Rồi ngài làm gì ?*

Đ. — Ngài xuống ngựa lấy gươm cắt tóc, giao cho Xa-Nặc đem tất cả đồ trang sức và ngựa về cung tâu lại sự tình cùng phụ-vương. Rồi ngài đi lần đến thành Vương-xá (Rajagriha) là Kinh đô của Tầm-bà-ta-la (Binbasara) xứ (Ma-Kiệt-Đa) (Magahada).

H. — *Ngài đến đó làm chi ?*

Đ. — Vì các vùng lân cận có các đạo-sư ẩn sĩ. Ngài đến theo học mong được giác-ngộ.

H. — *Các đạo-sĩ ấy tu theo tôn-giáo nào ?*

Đ. — Đạo Bà-la-môn.

H. — *Đạo ấy dạy thế nào ?*

Đ. — Phải tu theo lối khổ hạnh mới được giác-ngộ.

TIN TỨC

Cuộc Hội-nghị các Đoàn Thanh-niên Phật-tử Đại-Đông-Á

Tin Domei ngày 11 Février.

Vào khoảng tháng năm Tây này, Tại Tokio sẽ có cuộc Đại Hội nghị của các Đoàn thanh niên Phật-tử các xứ ở Đại-đông-Á, để bàn về các vấn đề quan hệ đến việc kiến-thiết nền Văn - Hóa Đại - Đông-Á và mười bốn vấn đề khác. Có hơn 1000 Đại-biểu của các nước Nhật, Mãn-châu, Trung-Hoa, Nội-mông, Thái-Lan, Điện-Điền, Ấn-độ, Mã Lai, Gia-va và Phi-luật-Tân đến dự.

Hội-Đồng ấy sẽ chia làm 4 tiểu ban để tiện bàn việc. Ngoài việc thiết lập một hội Thanh niên Phật-tử Đại Đông-Á, Hội-nghị ấy sẽ dự định thi-hành ba việc lớn nữa và sẽ cực lực hô-hào cho chóng thành tựu.

Các giấy mời chánh thức đi dự Hội-Nghị ấy sẽ do quan Tổng-Trưởng Bộ Đại Đông-Á-vụ gửi cho các Đại-biểu.

Hội - nghị ấy sẽ đặt dưới quyền bảo-trợ của Hội Thanh niên Phật-tử Nhật-bồn, của các quan Tổng-Trưởng bộ Đại - Đông - Á - Vụ, bộ Giáo-Dục, bộ Tuyên truyền, của Hạt và Thành Phố Đông kinh (Tokio).

Tổng - Trị - Sự

Nhân dịp lễ kỷ-niệm đệ-nhi chu niên của Đoàn Phật-Học-Đức-Dục, có tổ chức buổi diễn thuyết lúc 9 giờ sáng ngày 21 Février 1943 tại nhà giảng-đường chùa Từ-Đàm.

1-) Anh Lê-hữu-Hoài nói về « Nhiệm-vụ của Thanh-Niên ».

2-) Anh Phạm-hữu-Bình nói về « Phật-giáo và Nhiệm-vụ của Thanh-Niên ».

Lớp học Phật-pháp năm 1943

Nghỉ hè năm 1942, Tổng-trị-sự Annam Phật-Học-Hội có tổ-chức một lớp học học Phật-pháp cho các bạn trong Đoàn Phật-Học Đức-Dục. Xét thấy thanh-niên tri-thức học Phật-pháp rất mau thông-hiểu, lại xét

Phật-giáo rất hữu-ích cho đức-dục, nên năm nay Tổng-trị-sự định tổ-chức lại lớp học ấy và nhận tất cả thanh-niên đủ các điều-kiện sau này vào học, kể từ 1er tới 30 Juillet, tại trường Bảo-quốc.

A. — Tư-cách

- 1) Đoàn-viên thật-hành hoặc tùy-hỷ Đoàn Phật-Học Đức-Dục
- 2) Các thanh-niên có bằng Cao-đẳng Tiểu-học trở lên (depsi).
- 3) Các hội-viên hoặc con cháu hội-viên hội Phật-Học, hoặc các hướng-đạo-sanh học từ đệ-tam-niên trở lên.

B. — Các hạng học-sanh

- 1) Ở tại Huế có thể ăn cơm ngoài tới trường mà học.
- 2) Ở các nơi khác về thì phải lưu-trú tại chùa Bảo-quốc.
- 3) Có thể xin ở lại ăn chưa hoặc ăn tối.
- 4) Có thể xin học 15 ngày hoặc cả tháng.
- 5) Có thể xin học mỗi ngày một buổi, 15 ngày hoặc cả tháng.

Phí tổn

- | | |
|---|--------|
| 1) Học-sanh lưu-trú cả tháng phải đóng | 12\$00 |
| 2) Học-sanh Ở lại trưa hoặc tối cả tháng đóng | 6\$00 |
| 3) Các hạng học-sanh khác trả | 3\$00 |
| 4) Học-sanh học 15 ngày chỉ phải đóng nửa tiền. | |

Tiền học gởi trước về theo với đơn xin học, và sau nếu thôi học nửa chừng, tiền không hoàn lại tiền. Học-sanh nào muốn giúp trường gởi nhiều tiền hơn càng quý, vì số 12p tính theo giá tối-thiểu.

C. — Đồ-dùng

- 1) Mền gối, áo quần khăn đủ dùng.
- 2) Giấy bút (độ 5 quyển vở và 2 mảnh giấy).

D. — Chương-trình học

- 1) Đạo-Nho : đại-học, Trung-dụng.
- 2) Đạo Lão : Đạo-đức-kinh
(a) Phật học thường thức : Các yếu (điềm trong đạo Phật,
- 3) Phật-Giáo : (b) Kinh-luận : kinh Thủ-lăng-Nghiêm, Luận (nhân-Minh và Duy-Thức dị-giản (dạy (thêm Thành-Duy-Thức cho các người đã (học ba kinh luận kia).

15 ngày đầu : 1) Kinh Thủ-lăng-Nghiêm 2) Duy-thức-đi-giản. 3) Phật-học-thường thức. 4) Đại-học Trung-Dụng.

15 ngày sau : 1) Thành-Duy-Thức. 2) Đạo-đức-Kinh. 3)
[Phật học-thường-thức (hạnh quả)]

E. — Đơn và kỳ-hạn nạp đơn

Cac bạn muốn học phải gửi đơn xin nhập-học về Tổng-trị-sư Huế trước ngày 30 mai 1943 và phải nói rõ tên tuổi, quê-quán, nghề-nghiệp, học-lực, kỳ-hạn (15 ngày hoặc một tháng) xin lưu-trú hoặc chỉ ở lại trưa, hoặc ở ngoài, gửi mandat nạp học-phi theo đơn ; tuổi được 20 phải có giấy phép của cha mẹ cho đi học (nhờ đề địa chỉ đề hội trả lời) Hễ được nhập-học thì Hội sẽ viết thư cho biết, nếu Hội không nhận cho học cũng sẽ không nói vì lẽ gì và không trả lời.

Đơn xin nhập-học

Tôi tên là . . . , . . . , sinh ngày
Tại , . . . nghề-nghiệp (hoặc lớp mấy trường nào, hoặc làm việc gì, hoặc hội viên số mấy của khu-vực nào, hoặc hướng-đạo sanh đoàn nào) con ông.
. và bà , hiện ở
xin theo học lớp dạy Phật Pháp tại trường Bảo-quốc mở từ ngày 1er Juillet tới 30 Juillet 1943, theo hạng học-sanh (lưu-trú, ăn trưa, ăn tối, học 15 ngày đầu, học 15 ngày sau học từng buổi) và xin theo điều-lệ của trường. Đến chiều ngày 31 mai 1943 tôi xin có mặt tại trường Bảo-quốc (Đường Nam-giao Huế).

Xin đính theo đây ngân phiếu nạp học-phi và phạt-phi (và giấy phép của cha mẹ, hoặc người đỡ đầu, nếu vị thành-niên phải có (1)

Tại le 1943

Ký tên

(1) Tôi cho phép tôi theo học
lớp dạy Phật-Pháp tại trường Bảo-quốc
. le 1943

Ký tên

ANNAM PHẬT HỌC-HỘI Danh-sách các hội-viên
Thừa-thiên Tỉnh hội vào ban Bảo-trợ Đồng-ấu

Số	Họ và tên	Chức-nghịệp	Chỗ ở	Khuôn vực	Số tiền đóng hàng năm
1	Trần-thanh-Tịnh		Vi-dạ	Ba-la	5\$00
2	Nguyễn-hữu-Đề		id	id	5,00
3	Hoàng-trọng-Nghinh		Buôn, Ng. Biều	Dương-biều	4,00
4	Hoàng văn-Cu		Lý-trưởng	Phủ bình	2,00
5	Mlle Thu-Huy			Citadelle	1,00
6	Mme Ng. đh-Hàm			id	1,00
7	Thái-thức Huyền			Thanh-long, Cầu-bậu	1,00
8	Võ văn Deng	Commerçant		Huế	3,00
9	Phạm-ngọc-Thức				3,00
10	Mai-Duân		T. M.		3,00
11	Hoàng-Chinh		Khuôn-Trưởng	An-Xuân	1,00
12	Tôn thất-Tráng		T. M.		2,00
13	Quang			Trường-giang	3,00
14	Lê-văn-Vọng			Dân-biểu-viện	1,00
15	Tôn-thất-Cãnh				10,00
16	Bửu-Cao				10,00
17	Mme Tôn thất-Tùng		Bến-ngự		3,00
18	Tôn-nữ thị Huyền		Từ-dâm		1 00
19	Mme Hoành		Vỹ-dạ		5,00
20	Mme Đặng ngọc-Sách		Đập-dá		3,00
21	Lê thị-thành		Kim long		3,00
22	Lâm-thị-Mai		24,79	Concession Cầu-Hậu	3,00
23	Lê-thị-Chánh			Vân-Hòa	2,00
24	Ng. thị Đăng			id	2,00
25	Bùi-thị-Yên		Sịa	Khuôn-phò	5,00
26	Võ thị-Huê		id	id	2,00

27 Lê-thị-Diện	id	id	2,00
28 Trần-thị-Nĩ	id	id	5,00
29 Trần-thị-Dung	id	id	5,00
30 Tôn thất-Tùng			10,00
31 Lê-quang-Phước			5,00
32 Lê-dinh-Tham			10,00
33 Nguyễn-Lân			3,00
34 Lê-quang-Đáng			20,00
35 Đặng-ngọc-Sach			5,00
36 Bùi-huy-Trứ	Thừa-Lưu		5,00
37 Ngô-Phanb			5,00
38 Thanh-Tĩnh	Việt-Anh		3,00
39 Nguyễn-Năng			1,00
40 Võ-Cân	Kim-Long		1,00
			<u>191\$00</u>

Phật-Học-Tỉnh-Hội Thừa-Thiên vừa tổ-chức một Đoàn Phật-tử Đồng-ấu. Muốn cho cách tổ-chức có phương pháp và được duy nhất, tỉnh-Hội đã lập một ban Quản-trị chuyên coi về việc Đồng-ấu. Ban ấy đã mở một lớp Học để huấn luyện các Trưởng-ban (chef) Đồng-ấu ở các khuôn Tịnh-dộ trong Tỉnh. Lớp học ấy có 40 người do các khuôn cử đến học. Sau 3) buổi học, các Đạo-Hữu ấy đã được phép về lập ban Đồng-ấu tại khuôn mình. Muốn cho công-việc ban được vững vàng, Tỉnh-Hội đã hô hào lập một ban Bảo-trợ. Trên đây là danh sách các Ngài đã sốt sắng phát-tâm vào Ban bảo-trợ để giúp đỡ cho công-việc ấy được thành tựu. Trong một số sau chúng tôi sẽ đăng cách-thức tổ-chức và công-việc Ban Đồng-ấu Tỉnh-Hội Thừa-thiên đã làm.

ANNAM PHẬT-HỌC THANH-HÓA TỈNH HỘI

Danh sách Ban Trị-sự năm 1943

CHỨC VIỆC	HỌ VÀ TÊN	NGHỀ NGHIỆP	NƠI Ở
Chánh Hội-trưởng	Trần hữu Lương	Directeur École de Đông-sơn	Rue Hôpital
Phó Hội-trưởng	Vũ đan Quế	Chef de gare retraité	Rue Lieutenant Chauveur
Cố-vấn Trị-sự	Nguyễn Đóa	Directeur des Ecoles Thanh-hoa Thanh-hoa	
-id-	Đặng văn Khang	Commerçant	Rue Paul-Bert
Chánh Thư-ký	Trần quý Quỳnh	Chef de gare retraité	Rue Paul-Bert
Phó thư-ký	Hoàng-ngọc-Tiếp	Secrétaire Banque Agricolo	-id-
Chánh thủ-quĩ	Lê văn Xuân	Secrétaire c/o Pharmaite Giao	Rue Bonhour plgé
Phó thủ-quĩ	Tôn thất Văn	Tu-học	Route de Huế
Nam Kiểm-sat	Nguyễn đức Tuấn	Chef de brigade retraité	Rue des Pagodes
-id-	Vũ tiến Thủ	Commerçant	Rue des brodeurs
-id-	Vũ đình Dĩnh	-	Rue Bai-Thuong
-id-	Trần đào Tri	-	Rue Maréchal Joff
-id-	Lê thụ	Thừa phái retraité	Rue Thiệu-trị
-id-	Lưu đào Viên	Commerçant	Rue Paul Bert
-id-	Cao bá Địch	-	Rue des brodeurs
Nữ kiểm-sat	Ngô thị Lung	Commerçante	Rue Rousseau
-id-	Trần thị Thanh	-	Rue Paul-Bert
-id-	Trần thị Quyên	-	Rue Maréchal Joff
-id-	Đỗ thị Bích kỳ	-	Rue Hôpital plgé

THƯ TÍN

Chúng tôi đã nhận được ngàn phiếu bira điện của quý ngài độc-giả kể tên dưới đây :

M. M Nguyễn chi Thuần Long bình, Phanrang	2p00
- Trần quang Minh	Cây lay 1,00
- Nguyễn văn Hòa	Saigon 2,00
- Nguyễn văn Duyệt	Vĩnhlong 2,00
- Ngải Phước-Bình	Giadinh 2,00
- Dương văn Hội	Thudaumot 2,00
- Bùi ngươn Nhung	Caitàthượng 2,00
- Nguyễn xuân Dương	Phanrang 1,50
- Nguyễn văn Chánh	1,50
- Quách vinh Hưng	Bắc lén 6,00
- Thích hoàng Đạo	Vĩnhlong 2,00
- Nguyễn quang Hùng	Laokay 2,00
- Bảy Bảy	Sađec 4,00
- Le Président (Tịnh độ cư sĩ) Cholon	2,00
- Lương văn Đường	Cholon 2,00
- Nguyễn Châu	Ninh-hòa 2,00
- Nguyễn văn Biếu	PnomPenh 2,00
- Thái bình Dương	Cholon 2,00
- Phạm thị Nương	Cầnthơ 5,00
- Lê văn Chim	Cholon 2,00
- Võ tấn Hội	Thudaumot 2,00
- Trần phổ Triêm	Sông cầu 1,50
- Chi hội	Tầm quang 21,00
- Phan bá Thúc	Stungtreng 2,00
- Bùi văn Nhương	Biên-hòa 2,00
- Paul Fabry Clairet	PnomPenh 2,00
- Đỗ văn Viễn	Cần- hơ 2,00
- Lê văn Hạch	Long-xuyên 3,00
- Chi hội	Binh-sơn 10,00
- Trương văn Cua	PuomPenh 2,00
- Nguyễn văn Tông	- 2,00
- Nguyễn thanh Tông	Saigon 2,00
- Nguyễn văn Diên	- 2,00
- Nguyễn văn Thạch	- 2,00

Chúng tôi trân trọng có lời cảm ơn chư quý độc giả và sẽ xin tiếp tục gửi bản san và sách Phật-học Tùng-thư.

Autorisé : publication éeée antérieurement à la loi du 13 Décembre 1911.
 pap. du BUCO.TUỘ 73, Richard. — Hanoi Tirage Exemplaires